

1. GIÁM HỘ

Theo Điều 46 Bộ luật dân sự năm 2015, giám hộ là việc cá nhân, pháp nhân được luật quy định, được Ủy ban nhân dân cấp xã cử, được Tòa án chỉ định hoặc được quy định tại khoản 2 Điều 48 của Bộ luật này (sau đây gọi chung là người giám hộ) để thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (sau đây gọi chung là người được giám hộ).

Trường hợp giám hộ cho người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì phải được sự đồng ý của người đó nếu họ có năng lực thể hiện ý chí của mình tại thời điểm yêu cầu.

Việc giám hộ phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Người giám hộ đương nhiên mà không đăng ký việc giám hộ thì vẫn phải thực hiện nghĩa vụ của người giám hộ.

2. NGƯỜI ĐƯỢC GIÁM HỘ

Theo Điều 47 Bộ luật dân sự năm 2015, người được giám hộ bao gồm:

- Người chưa thành niên không còn cha, mẹ hoặc không xác định được cha, mẹ;
- Người chưa thành niên có cha, mẹ nhưng cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; cha, mẹ đều bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con; cha, mẹ đều không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con và có yêu cầu người giám hộ;
- Người mất năng lực hành vi dân sự;
- Người có khó khăn trong nhận thức, làm

chủ hành vi.

Một người chỉ có thể được một người giám hộ, trừ trường hợp cha, mẹ cùng giám hộ cho con hoặc ông, bà cùng giám hộ cho cháu.

3. NGƯỜI GIÁM HỘ

Theo Điều 48 Bộ luật dân sự năm 2015, cá nhân, pháp nhân có đủ điều kiện quy định tại Bộ luật này được làm người giám hộ.

Trường hợp người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ lựa chọn người giám hộ cho mình thì khi họ ở tình trạng cần được giám hộ, cá nhân, pháp nhân được lựa chọn là người giám hộ nếu người này đồng ý. Việc lựa chọn người giám hộ phải được lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực.

Một cá nhân, pháp nhân có thể giám hộ cho nhiều người.

4. ĐIỀU KIỆN CỦA CÁ NHÂN LÀM NGƯỜI GIÁM HỘ

Theo Điều 49 Bộ luật dân sự năm 2015, cá nhân có đủ các điều kiện sau đây có thể làm người giám hộ:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện



cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ;

- Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xoá án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác;

- Không phải là người bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con chưa thành niên.

5. ĐIỀU KIỆN CỦA PHÁP NHÂN LÀM NGƯỜI GIÁM HỘ

Theo Điều 50 Bộ luật dân sự năm 2015, pháp nhân có đủ các điều kiện sau đây có thể làm người giám hộ:

- Có năng lực pháp luật dân sự phù hợp với việc giám hộ;

- Có điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

6. GIÁM SÁT VIỆC GIÁM HỘ

Theo Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015, người thân thích của người được giám hộ thỏa thuận cử người giám sát việc giám hộ trong số những người thân thích hoặc chọn cá nhân, pháp nhân khác làm người giám sát việc giám hộ.

Việc cử, chọn người giám sát việc giám hộ phải được sự đồng ý của người đó.

Trường hợp giám sát việc giám hộ liên quan đến quản lý tài sản của người được giám hộ thì người giám sát phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ.

Người thân thích của người được giám hộ là vợ, chồng, cha, mẹ, con của người được giám hộ; nếu không có ai trong số những người này thì người thân thích của người được giám hộ là ông, bà, anh ruột, chị ruột, em ruột của người

được giám hộ; nếu cũng không có ai trong số những người này thì người thân thích của người được giám hộ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người được giám hộ.

- Trường hợp không có người thân thích của người được giám hộ hoặc những người thân thích không cử, chọn được người giám sát việc giám hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người giám hộ cử cá nhân hoặc pháp nhân giám sát việc giám hộ. Trường hợp có tranh chấp về việc cử, chọn người giám sát việc giám hộ thì Tòa án quyết định.

- Người giám sát việc giám hộ phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nếu là cá nhân, có năng lực pháp luật dân sự phù hợp với việc giám sát nếu là pháp nhân; có điều kiện cần thiết để thực hiện việc giám sát.

- Người giám sát việc giám hộ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

+ Theo dõi, kiểm tra người giám hộ trong việc thực hiện giám hộ;

+ Xem xét, có ý kiến kịp thời bằng văn bản về việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự quy định tại Điều 59 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giám hộ xem xét thay đổi hoặc chấm dứt việc giám hộ, giám sát việc giám hộ.

7. NGƯỜI GIÁM HỘ ĐƯƠNG NHIÊN CỦA NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Theo Điều 52 Bộ luật dân sự năm 2015, người giám hộ đương nhiên của người chưa thành niên quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật dân sự năm 2015 được xác định theo thứ tự sau đây:

- Anh ruột là anh cả hoặc chị ruột là chị cả

là người giám hộ; nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì anh ruột hoặc chị ruột tiếp theo là người giám hộ, trừ trường hợp có thỏa thuận anh ruột hoặc chị ruột khác làm người giám hộ;

- Trường hợp không có người giám hộ quy định trên thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ hoặc những người này thỏa thuận cử một hoặc một số người trong số họ làm người giám hộ;

- Trường hợp không có người giám hộ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột hoặc dì ruột là người giám hộ.

8. NGƯỜI GIÁM HỘ ĐƯƠNG NHIÊN CỦA NGƯỜI MẤT NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ

Theo Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp không có người giám hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì người giám hộ đương nhiên của người mất năng lực hành vi dân sự được xác định như sau:

- Trường hợp vợ là người mất năng lực hành vi dân sự thì chồng là người giám hộ; nếu chồng là người mất năng lực hành vi dân sự thì vợ là người giám hộ;

- Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc một người mất năng lực hành vi dân sự, còn người kia không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con cả là người giám hộ; nếu người con cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con tiếp theo có đủ điều kiện làm người giám hộ là người giám hộ;

- Trường hợp người thành niên mất năng lực hành vi dân sự chưa có vợ, chồng, con hoặc có mà vợ, chồng, con đều không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì cha, mẹ là người giám hộ.

BỘ TƯ PHÁP

ĐỀ ÁN "CỦNG CỐ, KIẾN TOÀN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC GIAI ĐOẠN 2015 - 2016"

QUY ĐỊNH VỀ GIÁM HỘ TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ

(Theo Bộ luật Dân sự năm 2015)



**VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
58-60 TRẦN PHÚ - HÀ NỘI**